

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ- ST

Ngày 24/6/2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Danh Long

2. Bà Ma Thị Thu Loan

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2021/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1988.

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn N, sinh năm 1982.

Cùng trú tại: Thôn X, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(*Chị Trần Thị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Dương Văn N vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2007 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn X, xã T, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Nay chị xác định

tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Dương Mai H, sinh ngày 25/01/2009; Dương Thị L, sinh ngày 28/6/2011 và cháu Dương Văn H, sinh ngày 23/9/2014. Khi ly hôn do hiện nay chị đang phải đi làm ăn xa nhà nên chị muốn giao cả 03 cháu cho anh N nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của anh N chị cũng nhất trí.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2021, biên bản hòa giải ngày 11/5/2021 anh Dương Văn N trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị Ng như chị Ng trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh N xác định vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn vào năm 2020. Nguyên nhân do chị Ng đi làm ăn xa nhà sau đó tự ý bỏ chồng, bỏ con đi. Chị Ng đi đâu, làm gì anh cũng không nắm được. Vợ chồng anh chị cũng sống ly thân từ tháng 05 năm 2020 đến nay không còn đi lại, quan tâm gì đến nhau. Quan điểm của anh N là tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị Ng.

Về con chung: Anh N xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Dương Mai H, sinh ngày 25/01/2009; Dương Thị L, sinh ngày 28/6/2011 và cháu Dương Văn H, sinh ngày 23/9/2014. Nếu ly hôn anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu. Anh N yêu cầu chị Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dương Văn H với mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/1 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản, đất đai, nợ chung: Anh N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ng, xử cho chị Trần Thị Ng được ly hôn với anh Dương Văn N. Giao cháu Dương Mai H, sinh ngày 25/01/2009; Dương Thị L, sinh ngày 28/6/2011 và cháu Dương Văn H, sinh ngày 23/9/2014 cho anh Dương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Ng có trách nhiệm cấp dưỡng

nuôi con chung đối với cháu Dương Văn H mỗi tháng 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Ng có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Ng và anh N đều xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Ng và anh Dương Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Trần Thị Ng và anh Dương Văn N đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn X, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Chị Trần Thị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Dương Văn N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ng, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Ng và anh N xác định: Chị Ng và anh N kết hôn vào năm 2007. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn X, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2020 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng anh chị cũng đã sống ly thân từ tháng 5/2020 không còn đi lại, quan tâm, chăm sóc đến nhau. Bản thân chị Ng xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Năm cũng thừa nhận việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị Ng và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Ng là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn chị Trần Thị Ng có quan điểm muốn giao cả 03 con chung cho anh Dương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N nhất trí và cũng đề nghị được quyền nuôi dưỡng giáo dục cả 03 cháu. Anh yêu cầu chị Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dương Văn H, sinh ngày 23/9/2014 với mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/1 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Ng có quan điểm nhất trí cấp dưỡng nuôi cháu H theo yêu cầu của anh N. Tại biên bản lấy lời khai của cháu Dương Mai H, Dương Thị L và cháu Dương Văn H đều thể hiện các cháu có

nguyện vọng muốn được ở cùng anh N. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Dương Mai H, sinh ngày 25/01/2009; Dương Thị L, sinh ngày 28/6/2011 và cháu Dương Văn H, sinh ngày 23/9/2014 cho anh Dương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Ng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Dương Văn H mỗi tháng 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Ng có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Ng và anh N đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Ng phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh N không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ng về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Dương Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ng được ly hôn với anh Dương Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Mai H, sinh ngày 25/01/2009; Dương Thị L, sinh ngày 28/6/2011 và cháu Dương Văn H, sinh ngày 23/9/2014 cho anh Dương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Ng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Dương Văn H mỗi tháng 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Ng có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Ng phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001678 ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trần Thị Ng còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Dương Văn N không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

